

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/HS-ST
Ngày 23 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

Bà Nguyễn Thị Yên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên;

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 03 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 2002 tại huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1 và bà Tăng Thị N; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc Á và có 01 con.

Tiền án, tiền sự: Không có

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/10/2024 đến nay; hiện tại bị cáo đang bị tạm giam, có mặt.

* **Người chứng kiến:** Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1958; nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 28/10/2024, tại nhà trọ của Phạm Văn T thuộc thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tổ công tác của Công an huyện L bắt quả tang Phạm Văn T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; thu giữ tại mặt đệm trong phòng ngủ của T vật chứng gồm: 01 gói giấy màu trắng bên trong đựng 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa viền màu đỏ, bên trong đựng chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong vào phong bì thư ký hiệu “QT1”; 01 hộp nhựa màu trắng bên trong đựng 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa viền màu xanh, bên trong đựng chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy và các vỏ túi ni lon, được niêm phong vào phong bì thư ký hiệu “QT2” (không niêm phong 01 hộp nhựa và các vỏ túi ni lon); 01 hộp vải màu đen bên trong đựng 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa viền màu xanh, bên trong đựng chất bột màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong vào phong bì thư ký hiệu “QT3” (không niêm phong 01 hộp vải); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen được niêm phong ký hiệu “ĐT”; 01 cân tiểu ly màu trắng bạc; 01 công thủy tinh màu trắng.

Cùng ngày 28/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn T, kết quả khám xét không thu giữ gì.

Cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định đối với chất nghi là ma túy thu giữ của Phạm Văn T.

Tại bản Kết luận giám định số 2320/KL-KTHS ngày 01/11/2024, Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:

- Trong 01 phong bì thư ký hiệu “QT1” đã được niêm phong gửi giám định: Mẫu chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa viền màu đỏ, được đựng trong 01 gói giấy màu trắng là ma túy, có khối lượng 0,081 gam, loại Methamphetamine.

- Trong 01 phong bì thư ký hiệu “QT2” đã được niêm phong gửi giám định: Mẫu chất tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa viền màu xanh là ma túy, có khối lượng 0,092 gam, loại Methamphetamine.

- Trong 01 phong bì thư ký hiệu “QT3” đã được niêm phong gửi giám định: Mẫu chất bột màu trắng đựng trong 01 túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu xanh là ma túy, có khối lượng 0,322 gam, loại MDMA.

Quá trình điều tra Phạm Văn T khai: Khoảng 14 giờ ngày 28/10/2024, T gọi điện cho Ngô Xuân H qua ứng dụng Z hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá, mục đích để sử dụng, T bảo H đem ma túy đến nhà, T sẽ trả bằng tiền mặt. Sau đó H đi xe máy đến, T đưa cho H 500.000 đồng và nhận của H 01 gói giấy bên trong có 01 túi ni lon đựng ma túy đá, T đem ma túy vào trong phòng ngủ nhưng chưa kịp sử dụng thì bị lực

lượng Công an phát hiện bắt quả tang. 02 gói ma túy còn lại có nguồn gốc do T mua của một người không quen biết 01 gói và được một người bạn không rõ tên, tuổi, địa chỉ cho 01 gói. Toàn bộ số ma túy trên T đều có mục đích để sử dụng.

Căn cứ lời khai của Phạm Văn T, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Ngô Xuân H, sinh năm 2003, nơi ở: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; kết quả khám xét thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 màu trắng, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Ngô Xuân H.

Cơ quan điều tra đã thu thập lời khai của Ngô Xuân H, tiến hành đối chất giữa T và H nhưng H không thừa nhận đã bán ma túy cho T. H xác định do mối quan hệ quen biết từ trước nên ngày 28/10/2024 T có gọi Zalo cho H nhưng không liên quan gì đến việc mua bán ma túy. Ngoài lời khai của T thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh Tiến đã bán ma túy cho H. Vì vậy Cơ quan điều tra đã kết luận không có căn cứ xử lý đối với H.

Sau khi bắt quả tang, Cơ quan điều tra đã test nhanh mẫu nước tiểu của Phạm Văn T, kết quả dương tính với ma túy Methamphetamine. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Văn T bị lập biên bản và bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKS ngày 24 tháng 03 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Phạm Văn T khai báo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, bị cáo xác định hành vi của bị cáo bị khởi tố, truy tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, không bị oan sai.

- Kiểm sát viên phát biểu luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

+ Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 15 – 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; miễn phạt bổ sung.

+ Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu 03 phong bì thư được niêm phong ký hiệu “QT1”, “QT2”, “QT3”, bên trong đều có các túi ni lon đựng ma túy còn lại sau giám định để tiêu hủy. Tịch thu của Phạm Văn T 01 cân tiểu ly màu trắng bạc, 01 cóng thủy tinh màu trắng, 01 hộp vải màu đen, 01 hộp nhựa màu trắng bên trong đựng các vỏ túi ni lon để tiêu hủy. Tịch thu của Phạm Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen để sung vào công quỹ Nhà nước.

+ Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Bị cáo Phạm Văn T trình bày: Bị cáo nhất trí với lời luận tội và quan điểm của Kiểm sát viên, bị cáo không tự bào chữa và không có ý kiến tranh luận gì. Nói lời sau cùng bị cáo nhận thức hành vi mua chất ma túy đem về để sử dụng cho bản thân của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai tố cáo, khiếu nại gì. Hội đồng xét xử kết luận hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định và hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai nhận tội tại phiên tòa của bị cáo Phạm Văn T, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 28/10/2024, bị cáo Phạm Văn T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, mục đích để sử dụng cho bản thân, hành vi của bị cáo bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ của bị cáo hai loại chất ma túy, trong đó loại Methamphetamine có khối lượng 0,173 gam, loại MDMA có khối lượng 0,322 gam.

[3] Hành vi trên của bị cáo Phạm Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các loại chất gây nghiện, làm mất an ninh trật tự tại địa phương; bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi trên của bị cáo Phạm Văn T đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Căn cứ vào khối lượng hai loại chất ma túy thu giữ được, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét thấy ma túy là chất gây nghiện rất nguy hiểm, người nghiện ma túy sẽ bị tổn hại nghiêm trọng về sức khỏe; khi lên cơn nghiện, người nghiện ma túy không làm chủ được hành vi, có thể gây nguy hiểm cho người khác và xã hội; người sử dụng ma túy còn nguy hiểm đến tính mạng của bản thân, có nguy cơ lây lan căn bệnh HIV-AIDS; tệ nạn ma túy còn là mầm mống phát sinh ra nhiều loại tội phạm khác. Nhà nước ta và cả cộng đồng thế giới đều tuyên truyền rộng rãi về tác hại của chất ma túy, thế nhưng bị cáo không tiếp thu mà dần thân vào con đường nghiện ngập và dẫn đến phạm tội. Chứng tỏ bị cáo rất coi thường kỷ cương pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của chính bản thân mình. Căn cứ vào tính chất của tội phạm, cần thiết phải xử phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo là đúng với chính sách xử lý của pháp luật hình sự Nhà nước ta.

[5] Xem xét các tình tiết để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy:

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; từ tháng 02/2021 đến tháng 01/2023 bị cáo thực hiện nghĩa vụ quân sự trong Quân đội, ông nội bị cáo là cụ Phạm Văn C được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Không có

Căn cứ vào khối lượng chất ma túy thu giữ được và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng. Hình phạt giành cho bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 500 triệu đồng. Xét thấy bị cáo là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, phạm tội không có mục đích thu lợi bất chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Toàn bộ chất ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong các phong bì thư ký hiệu “QT1”, “QT2”, “QT3”; 01 cân tiểu ly màu trắng bạc, 01 cóong thủy tinh màu trắng, 01 hộp vải màu đen, 01 hộp nhựa màu trắng bên trong đựng các vỏ túi ni lon cần phải tịch thu để tiêu hủy.

Phạm Văn T khai đã sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen bị thu giữ để liên lạc mua ma túy nên cần phải tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 28/10/2024).

2- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu toàn bộ chất ma túy còn lại sau giám định, các túi ni lon đựng ma túy sau giám định; tất cả được niêm phong trong 03 phong bì thư ký hiệu “QT1”, “QT2”, QT3”; 01 cân tiểu ly màu trắng bạc, 01 cóong thủy tinh màu trắng, 01 hộp vải màu đen, 01 hộp nhựa màu trắng bên trong đựng các vỏ túi ni lon để tiêu hủy.

- Tịch thu của Phạm Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen để sung vào công quỹ Nhà nước.

Những vật chứng trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

3- Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Phạm Văn T chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- VKSND huyện Lục Nam
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- TAND tỉnh Bắc Giang
- CQCSĐT CA tỉnh Bắc Giang
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bắc Giang
- Chi cục THADS huyện Lục Nam
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Thái